

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 231/2024/DS-PT

Ngày: 25 - 07 - 2024

V/v: “Kiện đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu T - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc: “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ cũ: Số 155/6 HHT, Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ mới: Số 07 NTH, Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H – Sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ cũ: Số 01 NTH, Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ mới : 76 DVN, Tp. BMT, tỉnh Đắk Lắk.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Mỹ H đều là những người kinh doanh về hoa tươi. Sau một thời gian quen biết thì hai bên thống nhất về làm ăn chung

tại shop hoa có sẵn của bà H tại địa chỉ số 01 NTH, thành phố BMT. Do bà H đã có shop hoa từ trước nên khi làm ăn chung bà H đã tính toán mọi chi phí và xác định là 240.000.000 đồng, chia đôi bà Nguyễn Thị T góp 120.000.000 đồng.

Ngày 31/10/2022, bà Nguyễn Thị T có chuyển khoản 120.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Mỹ H. Tại thời điểm ban đầu đúng là có tận dụng một số tài sản. Tuy nhiên sau đó hai bên đã thống nhất dùng lợi nhuận thu được để bù vào nên không có sự hao hụt gì về tài sản.

Các khoản thu nhập có được từ kinh doanh chung, hai bên thống nhất sử dụng để mua thêm các trang thiết bị để kinh doanh và còn lại chia đôi lợi nhuận. Sau khi kinh doanh được một thời gian thì đến ngày 07/9/2023, các bên không làm ăn chung nữa. Lúc này, bà Nguyễn Thị T và bà H đã thống nhất chia một số vật dụng đã mua sắm trong thời gian làm ăn chung.

Do không sử dụng đến số tiền đã góp nên tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T đồng ý khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng gồm tiền tiêu hao một số vật dụng ban đầu và công sức của bà H trước đó. Bà Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H trả lại số tiền là 80.000.000 đồng

***Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và bà Nguyễn Thị T có thỏa thuận làm ăn chung: buôn bán hoa tươi, việc kinh doanh không thực hiện đăng ký kinh doanh. Số tiền 120.000.000 đồng mà bà T đưa cho bà là tiền mua cổ phần trong việc kinh doanh vì trước đó bà đã có cửa hàng hoa sẵn.

Sau khi hợp tác làm ăn, từ lợi nhuận thu được hai bên đã tính ra một phần để mua vật liệu, sắm trang thiết bị cho văn phòng và còn lại đã chia đều lợi nhuận. Ngoài ra, trước đó bà đã có sắm một số tài sản. Khi các bên cùng làm ăn chung thì đã tận dụng những tài sản này. Số tiền hao hụt vào tài sản cũ của bà Nguyễn Thị T là khoảng 20.000.000 đồng. Mặt khác, còn làm hao mòn thiết bị điện tử, máy tính, máy in là 5.000.000 đồng, chi phí bù cho 1 phần khoản lỗ trước đó là 60.000.000 đồng.

Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà Nguyễn Thị Mỹ H chỉ đồng ý trả 40.000.000 đồng sau khi đã trừ các khoản chi phí nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng: Điều 166 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 80.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt, ngày 09 tháng 5 năm 2024 bà Nguyễn Thị Mỹ H nhận được bản án .Ngày 23/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 24 tháng 04 năm 2024 Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk .

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khi bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Mỹ H thỏa thuận làm ăn chung thì bà T có chuyển cho bà H số tiền 120.000.000 đồng, quá trình kinh doanh ban đầu có sử dụng một số tài sản cũ do bị đơn có sẵn, việc mua sắm vật dụng, tài sản và các vấn đề liên quan sau đó đều dựa trên số tiền lợi nhuận mà cả hai kinh doanh được.

Quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm bà H đồng ý thanh toán số tiền 40.000.000 đồng cho bà T, số tiền còn lại bà không đồng ý trả vì bà H cho rằng đây là chi phí hao mòn các tài sản và chi phí bù lỗ trước đó nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bà T cũng thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu bà H trả lại 80.000.000 đồng còn 40.000.000 đồng bà T xác định là tiền hao mòn tài sản và công sức bà H gây dựng trước đó. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H đồng ý thỏa thuận trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý.

Tại đơn kháng cáo bà Nguyễn Thị Mỹ H xác định 120.000.000 đồng là số tiền bà T góp vào để bù một phần lỗ bà H đã chịu và trả cho bà H một phần công sức để duy trì phát triển nguồn khách hàng trước đó nên không đồng ý trả lại tiền góp vốn cho bà T nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, bà T không thừa nhận, tại phiên tòa phúc thẩm bà H cũng thừa nhận sau khi không làm ăn chung với nhau thì toàn bộ tài sản của Shop hoa trước đó đều do bà H quản lý, sử dụng. Do đó Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 80.000.000 đồng tiền góp vốn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H - giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2024/DS -ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] . Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 4.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2022/0004685 ngày 10/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà Phan Thị Thanh V nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0010231 ngày 03/6/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Văn Công Dân